

Số: **476**/BC-UBND

Đắk Nông, ngày **19** tháng 7 năm 2021

BÁO CÁO
ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CHÍNH SÁCH
Hỗ trợ đào tạo nghề nghiệp trình độ trung cấp, cao đẳng
và giải quyết việc làm trên địa bàn tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2021-2025

I. XÁC ĐỊNH VẤN ĐỀ BẮT CẤP TỔNG QUAN

1. Bối cảnh xây dựng chính sách

Đắk Nông, dân số thành thị chiếm 15,2%, dân số nông thôn chiếm 84,8%; độ tuổi lao động chiếm gần 59% so với tổng dân số. Lao động tham gia hoạt động kinh tế chiếm tỷ lệ 95,33% trong độ tuổi lao động; chia theo cơ cấu nhóm ngành như sau: Ngành Nông - Lâm nghiệp là 59,54%, ngành Công nghiệp và Xây dựng là 14,38%, ngành Thương mại - Dịch vụ là 26,08%.

Thực hiện quy định của Đảng, Nhà nước về đào tạo nghề nghiệp và giải quyết việc làm, trong những năm qua Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành các nghị quyết, chương trình, kế hoạch để lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện chính sách hỗ trợ đào tạo nghề nghiệp trình độ trung cấp, cao đẳng và giải quyết việc làm trên địa bàn tỉnh. Chính sách đào tạo nghề nghiệp đã góp phần nâng cao chất lượng lao động của tỉnh và người lao động dân tộc thiểu số, hộ nghèo, hộ cận nghèo.

Giai đoạn 2016-2020, toàn tỉnh tổ chức đào tạo nghề cho 22.236 người, đạt 117,03% so với kế hoạch; trong đó đào tạo nghề cho người dân tộc thiểu số là 5.609 người, hộ nghèo là 536 người. Tỷ lệ lao động qua đào tạo có việc làm đạt trên 80%. Tỷ lệ lao động qua đào tạo tăng từ 37% năm 2016 lên 45% năm 2020. Công tác đào tạo nghề ngày càng được chú trọng về chất lượng, đồng thời gắn với mục tiêu giải quyết việc làm cho người lao động. Sau đào tạo nghề, nhiều lao động đã có việc làm mới hoặc tiếp tục làm nghề cũ nhưng có năng suất, thu nhập cao hơn. Tuy nhiên chất lượng đào tạo nghề nghiệp vẫn thấp so với mặt bằng chung cả nước và chưa đáp ứng được nhu cầu doanh nghiệp; đào tạo ngắn hạn theo chương trình mục tiêu quốc gia nông thôn mới chủ yếu là tự tạo việc làm hoặc nâng cao năng suất, chất lượng, giảm chi phí đầu tư sản xuất hoặc tăng thu nhập đối với nghề đang làm.

Tổng số doanh nghiệp hoạt động trên địa bàn tỉnh là 2.525 doanh nghiệp. Phần lớn các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh là doanh nghiệp nhỏ, hoạt động trong lĩnh vực xây dựng, kinh doanh thương mại, buôn bán nông sản. Tổng số lao động làm việc trong các doanh nghiệp đến hết năm 2020 là 22.620 người, số lao động bình quân/doanh nghiệp là 9 lao động; lao động trong doanh nghiệp thường xuyên biến động theo từng thời điểm mùa vụ.

Số lao động được giải quyết việc làm tập trung chủ yếu trong lĩnh vực nông nghiệp và thiếu tính ổn định, năng suất lao động còn thấp. Trong những năm gần đây tình hình kinh tế xã hội của tỉnh gặp nhiều khó khăn do thời tiết, dịch bệnh diễn biến phức tạp, giá cả các mặt hàng nông sản chủ lực như cà phê, tiêu, cao su tiếp tục giảm cộng với tình hình hạn hán, dịch bệnh trên cây trồng kéo dài đã dẫn đến sản lượng của các mặt hàng này bị giảm cả về số lượng và giá trị, khả năng phục hồi chậm, dẫn đến việc làm, thu nhập của người lao động bị giảm.

Phương hướng giai đoạn 2021-2025, tại văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng đã đề ra chỉ tiêu về xã hội: Tỷ trọng lao động nông nghiệp trong tổng lao động xã hội khoảng 25%; tỷ lệ lao động qua đào tạo là 70%, trong đó có bằng cấp chứng chỉ đạt 28-30%; tỷ lệ nghèo đa chiều duy trì mức giảm 1-1,5%/năm. Quyết định số 176/QĐ-TTg ngày 05/02/2021 của Thủ tướng Chính phủ ban hành chương trình hỗ trợ phát triển thị trường lao động đến năm 2030, trong đó chỉ tiêu tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ đạt 30%.

Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Đắk Nông, lần thứ XII đã đề ra chỉ tiêu: giai đoạn 2020-2025, Số lao động được tạo việc làm trên 90.000 lượt người, đào tạo nghề cho trên 20.000 người, giảm nghèo bình quân hàng năm giảm tỷ lệ hộ nghèo 2%, riêng đồng bào dân tộc thiểu số giảm từ 4% trở lên theo chuẩn nghèo 2021-2025.

Để tiếp tục thực hiện những mục tiêu, chỉ tiêu đề ra tại các quy định của Đảng và Nhà nước; việc xây dựng và ban hành quy định chính sách hỗ trợ đào tạo nghề nghiệp trình độ trung cấp, cao đẳng và giải quyết việc làm trên địa bàn tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2021-2025; đáp ứng nhu cầu nhân lực của doanh nghiệp, gắn đào tạo với sử dụng lao động và thị trường lao động là cần thiết. Đồng thời, bảo đảm sự gắn kết giữa phát triển kinh tế với thực hiện an sinh xã hội, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân trên địa bàn, đó là yếu tố quan trọng cho sự thành công, là nền tảng cho phát triển bền vững.

2. Mục tiêu xây dựng chính sách

2.1. Mục tiêu tổng thể

Chính sách được xây dựng nhằm thực hiện tốt các chỉ tiêu đào tạo nghề nghiệp và giải quyết việc làm trong giai đoạn 2021-2025, hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao trên địa bàn tỉnh; tạo chính sách thu hút, khuyến khích các doanh nghiệp và xã hội tham gia phát triển giáo dục nghề nghiệp, nhất là đào tạo nguồn nhân lực khoa học, kỹ thuật chất lượng cao cho sự phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh Đắk Nông.

Nhằm phân luồng đào tạo nghề nghiệp, chuyển dịch cơ cấu lao động từ lĩnh vực nông nghiệp sang lĩnh vực thương mại - dịch vụ góp phần phát triển kinh tế, đảm bảo an sinh xã hội.

2.2. Mục tiêu cụ thể

Phần đầu giai đoạn 2020-2025 số lao động được tạo việc làm trên 90.000 lượt người, đào tạo nghề cho trên 20.000 người; trong đó lao động qua đào tạo được cấp chứng chỉ đạt từ 31% trở lên. Số lao động có việc làm sau đào tạo nghề nghiệp của các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh đạt 80% trở lên (theo Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XII).

Thực hiện tốt Đề án Giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh trong giáo dục phổ thông giai đoạn 2018-2025 trên địa bàn tỉnh (Quyết định số 1094/QĐ-UBND ngày 17/7/2018 của UBND tỉnh); với chỉ tiêu phần đầu đạt 25% học sinh tốt nghiệp THCS tiếp tục học tập tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp đào tạo trình độ sơ cấp, trung cấp, ít nhất 30% học sinh tốt nghiệp THPT tiếp tục học tập tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp đào tạo trình độ cao đẳng.

Tăng tỷ trọng lao động trong lĩnh vực công nghiệp, xây dựng và dịch vụ, để đạt tỷ trọng lao động nông nghiệp giảm xuống dưới 60% so với tổng số lao động làm việc trong các ngành kinh tế của tỉnh (theo Nghị quyết số 05/NQ-HĐND ngày 02 tháng 8 năm 2018 của HĐND tỉnh tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng, thích ứng với biến đổi khí hậu và phát triển bền vững tỉnh Đắk Nông đến năm 2020, định hướng đến năm 2030).

II. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CHÍNH SÁCH

1. Chính sách 1: Hỗ trợ đào tạo nghề nghiệp trình độ trung cấp, cao đẳng trên địa bàn tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2021-2025

1.1. Xác định vấn đề bất cập

Giai đoạn 2014-2021, HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết số 15/2014/NQ-HĐND ngày 16 tháng 7 năm 2014 quy định chính sách hỗ trợ đào tạo lao động kỹ thuật trình độ trung cấp nghề trở lên và giáo viên giáo dạy nghề tại các cơ sở dạy nghề công lập trên địa bàn tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2014-2020 và Nghị quyết số 14/2020/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2020 về việc kéo dài thời hạn áp dụng Nghị quyết số 15/2014/NQ-HĐND đến hết năm học 2020-2021. Chính sách đã góp phần quan trọng, trong sự phát triển giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh Đắk Nông; tuy nhiên Nghị quyết trên hết hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/10/2021; đồng thời từ năm 2022 thực hiện hệ thống bảng lương mới theo vị trí, việc làm, chức danh và chức vụ lãnh đạo thay thế hệ thống bảng lương hiện hành theo Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 21 tháng 5 năm 2018 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng. Vì vậy thay vì hỗ trợ tiền ăn hàng tháng theo hệ số mức lương cơ sở thì tại dự thảo xây dựng chính sách lần này quy định mức hỗ trợ bằng tiền, tránh được bất cập khi thực hiện chính sách lương mới.

Phần lớn các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh là doanh nghiệp nhỏ và siêu nhỏ, nhu cầu nguồn nhân lực lao động tại tỉnh không nhiều, không ổn định, chủ yếu lao động phổ thông, mức thu nhập thấp.

Mức độ cạnh tranh của các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập trong tỉnh thấp; do cơ sở vật chất, trang thiết bị, giáo viên còn thiếu, chưa đồng bộ; chương trình, giáo trình đào tạo chưa theo kịp xu thế phát triển của doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh; việc liên kết với doanh nghiệp để phối hợp xây dựng chương

trình, giáo trình đào tạo gắn với việc làm ổn định sau đào tạo còn hạn chế, do khoảng cách địa lý, phát sinh chi phí. Mặt khác các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập phải thực hiện từng bước tự chủ trong hoạt động giáo dục nghề nghiệp (theo quy định tại Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập); theo đó phải tăng học phí để đảm bảo lộ trình tính giá dịch vụ sự nghiệp công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước.

Sự ảnh hưởng của đại dịch Covid-19 đã làm thiệt hại lớn đến đời sống và thu nhập của các tầng lớp nhân dân nói chung, khả năng tài chính để học nghề, duy trì học nghề của người dân. Nếu không có chính sách hỗ trợ kịp thời sẽ làm giảm cơ hội học tập của học sinh, sinh viên thuộc các nhóm đối tượng đặc thù và yếu thế trên địa bàn tỉnh.

1.2. Mục tiêu của vấn đề

Hỗ trợ học phí và tiền ăn cho các đối tượng người có công với cách mạng và thân nhân của người có công với cách mạng theo quy định của pháp luật về ưu đãi người có công với cách mạng; người dân tộc thiểu số; người thuộc gia đình hộ nghèo, hộ cận nghèo; người khuyết tật đang học tập trung chính quy trình độ trung cấp, cao đẳng tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập trên địa bàn Đắk Nông, nhằm các mục tiêu sau:

- Tạo cho các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh tăng thêm số lượng tuyển sinh học sinh, sinh viên người địa phương; sử dụng có hiệu quả cơ sở vật chất, trang thiết bị, giáo viên; góp phần nâng cao chất lượng đào tạo đáp ứng nhu cầu tuyển dụng của doanh nghiệp đồng thời phát triển nguồn lao động có tay nghề trong nhóm đối tượng đặc thù và yếu thế trên địa bàn tỉnh.

- Học sinh, sinh viên người địa phương, đặc biệt nhóm đối tượng đặc thù và yếu thế có điều kiện thuận lợi tham gia học tập tại tỉnh; đồng thời giảm bớt chi phí học tập (học phí, đi lại, nơi ăn, ở, ...); là cơ sở nâng cao nguồn nhân lực khoa học, kỹ thuật chất lượng cao cho sự phát triển kinh tế xã hội trên địa bàn tỉnh Đắk Nông.

1.3. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề: Hỗ trợ học phí và tiền ăn, cụ thể như sau:

a) Đối tượng áp dụng

- Đối tượng được áp dụng hỗ trợ đào tạo nghề nghiệp phải đáp ứng các điều kiện sau:

- + Người trong độ tuổi học nghề hoặc tập nghề để làm việc cho người sử dụng lao động theo quy định tại khoản 4, Điều 61 Bộ Luật lao động năm 2019;

- + Nơi thường trú trên địa bàn tỉnh Đắk Nông;

- + Thuộc một trong những đối tượng sau: Người có công với cách mạng và thân nhân của người có công với cách mạng theo quy định của pháp luật về ưu

đãi người có công với cách mạng; người dân tộc thiểu số; người thuộc gia đình hộ nghèo, hộ cận nghèo; người khuyết tật;

+ Đang học tập trung chính quy trình độ trung cấp, cao đẳng (bao gồm cả liên kết đào tạo) tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh.

- Đối tượng thực hiện hỗ trợ đào tạo nghề nghiệp: Trường cao đẳng, trung cấp, cơ sở giáo dục đại học có đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp trình độ cao đẳng, trung cấp (viết tắt là cơ sở giáo dục nghề nghiệp) trên địa bàn tỉnh.

b) Định mức hỗ trợ

- Học sinh, sinh viên là người có công với cách mạng và thân nhân của người có công với cách mạng theo quy định của pháp luật về ưu đãi người có công với cách mạng; người dân tộc thiểu số tại chỗ; người thuộc gia đình hộ nghèo; người khuyết tật:

+ Mức hỗ trợ học phí: Hỗ trợ 100% học phí, thời gian hỗ trợ được tính theo hệ đào tạo mà học sinh, sinh viên theo học;

+ Mức hỗ trợ tiền ăn hàng tháng: 1.000.000 đồng/người/tháng; số tháng hỗ trợ theo thực tế, nhưng tối đa không quá 10 tháng/năm học.

- Học sinh, sinh viên người dân tộc thiểu số khác; người thuộc gia đình hộ cận nghèo:

+ Mức hỗ trợ học phí: Hỗ trợ 50% học phí, thời gian hỗ trợ được tính theo hệ đào tạo mà học sinh, sinh viên theo học;

+ Mức hỗ trợ tiền ăn hàng tháng: 600.000 đồng/người/tháng; số tháng hỗ trợ theo thực tế, nhưng tối đa không quá 10 tháng/năm học.

c) Nguyên tắc hỗ trợ

- Học sinh, sinh viên thuộc nhiều đối tượng, được hưởng nhiều mức hỗ trợ, thì chỉ được hỗ trợ một mức cao nhất và mỗi người chỉ được hỗ trợ một lần (bao gồm đã hỗ trợ chính sách này tại các quy định khác).

- Không áp dụng chính sách hỗ trợ đào tạo nghề nghiệp tại khoản 1 Điều này cho học sinh, sinh viên đã được hưởng chính sách này của Trung ương và thời gian học lưu ban. Nếu mức hỗ trợ của Trung ương thấp hơn mức hỗ trợ tại chính sách này thì hỗ trợ bổ sung phần chênh lệch thấp.

1.4. Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan

a) Về kinh tế

Các cơ sở giáo dục nghề nghiệp sử dụng hết công suất cơ sở vật chất, trang thiết bị hiện có và lực lượng giáo viên đã được bố trí, nâng cao thu nhập từng bước tự chủ theo quy định tại Nghị định số 16/2015/NĐ-CP.

Người học giảm áp lực về học phí và được hỗ trợ thêm một khoản tiền ăn, tạo điều kiện học tập; sau học tập được cấp bằng có nhiều cơ hội làm việc tại doanh nghiệp, nâng cao thu nhập ổn định cuộc sống.

b) Về xã hội

Giải pháp này giúp cho các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh thuận lợi trong công tác tuyển sinh, đào tạo và giúp cho đối tượng thụ hưởng chính sách yên tâm học tập, ổn định tâm lý người học đặc biệt là đối tượng dân tộc thiểu số tại chỗ (đặc thù của tỉnh).

Từng bước chuyển dịch cơ cấu lao động nông thôn chuyển sang dịch vụ...; nâng cao chất lượng nguồn nhân lực.

c) Về quốc phòng, an ninh

Góp phần ổn định tư tưởng; giữ vững an ninh, chính trị, trật tự, kỷ cương; bảo đảm an ninh kinh tế - xã hội; phát huy quyền tự quản của Nhân dân; góp phần đẩy mạnh đấu tranh làm thất bại âm mưu “diễn biến hòa bình” của các thế lực thù địch, giữ vững an ninh biên giới.

d) Về phát triển bền vững

Góp phần giảm nghèo tạo sự phát triển bền vững và có hiệu quả công tác giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh Đắk Nông nói riêng và cả nước nói chung góp phần thực hiện thắng lợi Nghị quyết đổi mới toàn diện giáo dục theo Nghị quyết số 29-NQ/TW.

đ) Về giới

Chính sách hỗ trợ đồng đều các giới, góp phần tăng tỷ lệ nữ qua đào tạo, qua đó đã lồng ghép thực hiện công tác bình đẳng giới.

1.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn

Đề nghị Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân xem xét, báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh Khóa IV, Kỳ họp thứ 2 thông qua theo các giải pháp đề xuất trên.

2. Chính sách 2: Hỗ trợ giải quyết việc làm trên địa bàn tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2021-2025

2.1. Xác định vấn đề bất cập

Tại Điều 4 Luật Giáo dục nghề nghiệp ngày 27 tháng 11 năm 2014 quy định mục tiêu của giáo dục nghề nghiệp là nhằm đào tạo nhân lực trực tiếp cho sản xuất, kinh doanh và dịch vụ, có năng lực hành nghề tương ứng với trình độ đào tạo; tạo điều kiện cho người học sau khi hoàn thành khóa học có khả năng tìm việc làm, tự tạo việc làm hoặc học lên trình độ cao hơn.

Từ thực trạng cả nước đào tạo chưa đáp ứng nhu cầu thị trường lao động (cung và cầu lao động) dẫn đến khủng hoảng thừa, thiếu; ngày 28/5/2020 Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Chỉ thị số 24/CT-TTg về đẩy mạnh phát triển nhân lực có kỹ năng nghề, góp phần nâng cao năng suất lao động và tăng năng lực cạnh tranh quốc gia trong tình hình mới; theo đó, khuyến khích các doanh nghiệp tuyển dụng, sử dụng lao động đã qua đào tạo hoặc có chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia; trả tiền lương, tiền công cho người lao động dựa trên kỹ năng và

năng lực hành nghề; các địa phương chú trọng nâng cao năng lực của cơ sở giáo dục nghề, ưu tiên tuyển sinh, đào tạo các nghề đáp ứng nhu cầu nhân lực phục vụ phát triển kinh tế - xã hội. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đã ban hành Thông tư số 29/2017/TT-BLĐTBXH ngày 15 tháng 12 năm 2017 quy định về liên kết tổ chức thực hiện chương trình đào tạo; Công văn số 786/LĐTBXH-TCGDNN ngày 02/3/2018 về việc gắn kết giáo dục nghề nghiệp với doanh nghiệp, trong đó có nội dung "Đẩy mạnh việc hợp tác 3 bên Nhà nước - Nhà trường - Doanh nghiệp trong giáo dục nghề nghiệp. Đa dạng hóa các hình thức hợp tác như: xây dựng chuẩn đầu ra, chương trình đào tạo; tổ chức ký kết đào tạo theo đặt hàng của doanh nghiệp; liên kết đào tạo giữa trường và doanh nghiệp; khuyến khích động viên người lao động trong doanh nghiệp tham gia đào tạo nghề cho người lao động; hợp tác tổ chức, bồi dưỡng kỹ năng giảng dạy, kỹ năng tổ chức, quản lý đào tạo cho nhà giáo của nhà trường và cán bộ kỹ thuật (người dạy) của doanh nghiệp tham gia giảng dạy; hợp tác cho sinh viên vừa học vừa làm tại cơ sở giáo dục nghề nghiệp và doanh nghiệp; hợp tác trong đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ kỹ năng và cấp chứng chỉ nghề cho lao động của doanh nghiệp và việc tuyển người vào học nghề, tập nghề để làm việc cho doanh nghiệp".

Tại tỉnh Đắk Nông, qua đánh giá cho chúng ta thấy cơ sở giáo dục nghề nghiệp và doanh nghiệp chưa đáp ứng tiềm năng nguồn nhân lực của tỉnh; đồng thời chương trình, giáo trình đào tạo chưa có nhiều sự gắn kết chặt chẽ với các doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh; do đó kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp của sinh viên sau khi ra trường chưa đáp ứng được nhu cầu của các nhà tuyển dụng, khả năng tìm việc làm ổn định tại các doanh nghiệp có thu nhập ổn định chưa cao.

2.2. Mục tiêu của vấn đề

Việc tỉnh Đắk Nông xây dựng chính sách hỗ trợ giải quyết việc làm trên địa bàn tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2021-2025, nhằm mục tiêu:

- Khuyến khích doanh nghiệp phối hợp tham gia đào tạo và sử dụng lao động qua đào tạo góp phần giải quyết việc làm là hoạt động phù hợp với định hướng của Trung ương và đáp ứng được xu hướng phát triển của tỉnh.

- Khuyến khích doanh nghiệp tuyển lao động qua đào tạo là người Đắk Nông và phối hợp tiến hành đào tạo lại để bố trí việc làm ổn định.

- Người lao động được học tập, làm việc tại địa phương; giảm được chi phí đi lại, ăn, ở; có thu nhập ổn định tại địa phương, đặc biệt là tình hình dịch bệnh như hiện nay.

2.3. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

a) Đối tượng áp dụng

- Doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, hợp tác xã (viết tắt là doanh nghiệp) trên địa bàn tỉnh Đắk Nông; tuyển dụng lao động của tỉnh Đắk Nông vào làm việc tại đơn vị và thực hiện giao kết hợp đồng lao động đúng theo

quy định của Bộ Luật lao động năm 2019; có nhu cầu và đăng ký đặt hàng đào tạo, đào tạo lại nghề nghiệp trình độ cao đẳng, trung cấp tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh tỉnh Đắk Nông; có cam kết tiếp tục sử dụng lao động sau đào tạo ít nhất từ 12 tháng trở lên.

- Trường cao đẳng, trung cấp, cơ sở giáo dục đại học có đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp trình độ cao đẳng, trung cấp trên địa bàn tỉnh.

- Người lao động có nơi thường trú trên địa bàn tỉnh Đắk Nông, đang làm việc có giao kết hợp đồng lao động không xác định thời hạn hoặc hợp đồng lao động xác định thời hạn 36 tháng tại doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Đắk Nông đúng theo quy định hiện hành.

b) Định mức hỗ trợ chi phí đào tạo, đào tạo lại: Người lao động đủ điều kiện theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều này, được doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Đắk Nông đăng ký đặt hàng đào tạo, đào tạo lại tại cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh Đắk Nông, được hỗ trợ vào cuối mỗi năm học như sau:

- Trình độ trung cấp: 2.800.000 đồng/lao động/khóa học/02 năm;
- Trình độ cao đẳng: 3.300.000 đồng/lao động/khóa học/03 năm.

c) Nguyên tắc hỗ trợ

- Mỗi lao động chỉ được hỗ trợ chi phí đào tạo, đào tạo lại một lần theo cấp trình độ đào tạo.

- Không thực hiện hỗ trợ người lao động đã được hỗ trợ giải quyết việc làm này tại các quy định khác của tỉnh Đắk Nông và của Trung ương. Nếu mức hỗ trợ của Trung ương thấp hơn mức hỗ trợ tại chính sách này thì hỗ trợ bổ sung phần chênh lệch thấp hơn.

2.4. Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan

a) Về kinh tế

Tạo điều kiện cho doanh nghiệp sử dụng nguồn nhân lực tại chỗ và nguồn nhân lực qua đào tạo; góp phần nâng cao nguồn nhân lực tại địa phương; tạo nhiều lợi nhuận, nâng cao thu nhập cho người lao động; đồng thời đóng góp tích cực cho ngân sách địa phương.

b) Về xã hội

Thực hiện các giải pháp đề xuất và nghị quyết thay thế, sẽ nâng cao chất lượng đào tạo, khuyến khích doanh nghiệp tuyển lao động là người Đắk Nông góp phần giải quyết việc làm hàng năm cho lao động Đắk Nông.

c) Về quốc phòng, an ninh

Góp phần ổn định tư tưởng; giữ vững an ninh, chính trị, trật tự, kỷ cương; bảo đảm an ninh kinh tế - xã hội; phát huy quyền tự quản của Nhân dân; xây dựng xã hội trật tự, kỷ cương góp phần đẩy mạnh đấu tranh làm thất bại âm mưu “diễn biến hòa bình” của các thế lực thù địch, giữ vững an ninh biên giới.

d) Về phát triển bền vững

Góp phần tạo sự phát triển kinh tế - xã hội bền vững và có hiệu quả công tác giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh Đắk Nông nói riêng và cả nước nói chung góp phần thực hiện thắng lợi Nghị quyết đổi mới toàn diện giáo dục theo tinh thần Nghị quyết số 29-NQ/TW.

đ) Về giới

Chính sách hỗ trợ đồng đều các giới, góp phần tăng tỷ lệ nữ có việc làm và làm việc tại doanh nghiệp, qua đó đã lồng ghép thực hiện công tác bình đẳng giới.

2.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn

Đề nghị Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân xem xét, báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh Khóa IV, Kỳ họp thứ 2 thông qua theo các giải pháp đề xuất trên.

III. LẤY Ý KIẾN THAM VẤN

- Dự thảo được đăng tải trên cổng thông tin điện tử của Trường Cao đẳng Cộng đồng Đắk Nông, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Cổng thông tin điện tử tỉnh trong thời gian ít nhất là 30 ngày để các cá nhân, tổ chức góp ý rộng rãi.

- Lấy ý kiến của đối tượng tác động.
- Lấy ý kiến các sở, ngành có liên quan; UBND các huyện, thành phố.
- Xin ý kiến của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội; Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính.
- Tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến đóng góp của cơ quan, tổ chức, cá nhân.
- Lấy ý kiến của các Thành viên UBND tỉnh.
- Trình Thường trực HĐND tỉnh đề nghị xây dựng Nghị quyết.
- Thẩm định của Sở Tư pháp.
- Báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định.
- Xin ý kiến của Thường trực Tỉnh ủy.
- Trình HĐND tỉnh thông qua.

IV. GIÁM SÁT VÀ ĐÁNH GIÁ

1. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội Đắk Nông chịu trách nhiệm tham mưu UBND tỉnh quy định thủ tục hành chính, tổ chức thi hành chính sách; đồng thời theo dõi, tổng hợp, đánh giá hiệu quả, tham mưu UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh, Tỉnh ủy kết quả triển khai thực hiện chính sách.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện chính sách.

V. PHỤ LỤC

1. Dự kiến kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ đào tạo nghề nghiệp trình độ trung cấp, cao đẳng trên địa bàn tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2021-2025: 11,310 tỷ đồng (chi tiết theo Phụ lục I đính kèm).

2. Dự kiến kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ giải quyết việc làm trên địa bàn tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2021-2025: 3,448 tỷ đồng (chi tiết theo Phụ lục II đính kèm).

3. Tổng kính phí:

- Dự kiến giai đoạn 2021-2025: 14,758 tỷ đồng, bình quân 2,952 tỷ đồng/năm.

- Đã thực hiện chính sách giai đoạn 2015-2020: 6,792 tỷ đồng.

- Chênh lệch tăng thêm: 7,966 tỷ đồng, bình quân 1,593 tỷ đồng/năm.

Trên đây là báo cáo đánh giá tác động dự thảo nghị quyết Hội đồng nhân dân tỉnh về chính sách hỗ trợ đào tạo nghề nghiệp trình độ trung cấp, cao đẳng và giải quyết việc làm trên địa bàn tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2021-2025 *nh*

Nơi nhận:

- HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các Ban HĐND tỉnh;
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Sở LĐ-TB&XH;
- Sở Tư pháp;
- Lưu VT, KGVX(Hp).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Tôn Thị Ngọc Hạnh

Phụ lục I
DỰ KIẾN KINH PHÍ HỖ TRỢ HỌC SINH, SINH VIÊN ĐÀO TẠO
NGHỀ NGHIỆP TRÌNH ĐỘ TRUNG CẤP, CAO ĐẲNG TẠI CÁC CƠ SỞ
GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP CÔNG LẬP TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH
GIẢI ĐOẠN 2021-2025

(Ban hành kèm theo Báo cáo số: 476 /BC-UBND ngày 19 tháng 7 năm 2021
của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông)

Năm	Tổng số		Hỗ trợ học sinh, sinh viên				Ghi chú
	Số lượng (người)	Kinh phí (1.000 đồng)	Miễn, giảm học phí		Hỗ trợ tiền ăn		
			Số lượng	Số tiền	Số lượng	Số tiền	
(1)	(2)	(3)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
2021-2022	280	2.160.000	30	160.000	250	2.000.000	50% HSSV Hỗ trợ mức 1.000.000; 50% HSSV hỗ trợ 600.000
2023	340	2.510.000	40	210.000	300	2.300.000	50% HSSV Hỗ trợ mức 1.000.000; 50% HSSV hỗ trợ 600.000
2024	410	3.320.000	60	320.000	350	3.000.000	50% HSSV Hỗ trợ mức 1.000.000; 50% HSSV hỗ trợ 600.000
2025	410	3.320.000	60	320.000	350	3.000.000	50% HSSV Hỗ trợ mức 1.000.000; 50% HSSV hỗ trợ 600.000
Tổng	1.440	11.310.000	190	1.010.000	1.250	10.300.000	

* Thuyết minh bảng số liệu:

- Dựa vào số liệu nguồn lực thực tế chi trả, tỷ lệ học sinh, sinh viên được hưởng chính sách trên tổng số học sinh (khoảng 30%/tổng số học sinh, sinh viên); tỷ lệ học sinh, sinh viên được hỗ trợ tiền ăn và tiền miễn giảm học phí (khoảng 10% nhận miễn giảm học phí so với tiền hỗ trợ ăn hàng tháng) được hưởng chính sách Nghị quyết số 15/2014/NQ-HĐND giai đoạn 2015-2021 (dự kiến đến tháng 10/2021). Đồng thời căn cứ chỉ tiêu tuyển sinh và quy mô đào

tạo của trường, trường Cao đẳng xây dựng nguồn lực dự kiến giai đoạn (2021-2025) dự kiến chi hỗ trợ 1.350 học sinh, sinh viên với 11.550.000 ngàn đồng (mười một tỷ năm trăm năm mươi triệu đồng), trong đó:

- Năm học 2021-2022 (năm 2022), Trường Cao đẳng Cộng đồng Đắk Nông dự kiến tuyển sinh 300 học sinh, sinh viên cả 2 hệ trung cấp và cao đẳng trong đó dự kiến chi trả 200 lượt học sinh, sinh viên được hưởng chính sách bao gồm tiền miễn giảm học phí và hỗ trợ tiền ăn, trong đó, dự kiến 50% số học sinh, sinh viên hưởng mức 1.000.000đ/tháng hưởng 10 tháng/năm học và 50% số học sinh, sinh viên hưởng mức 600.000đ. Quy mô đào tạo năm 2021-2022 khoảng 850-900 học sinh, sinh viên (cả khóa 2019 và khóa 2020).

- Năm học 2022-2023 (năm 2023), Trường Cao đẳng Cộng đồng Đắk Nông dự kiến tuyển sinh 350 học sinh, sinh viên cả 2 hệ trung cấp và cao đẳng trong đó dự kiến chi trả 100 lượt học sinh, sinh viên được hưởng chính sách bao gồm tiền miễn giảm học phí và hỗ trợ tiền ăn; trong đó, dự kiến 50% số học sinh, sinh viên hưởng mức 1.000.000đ/tháng hưởng 10 tháng/năm học và 50% số học sinh, sinh viên hưởng mức 600.000đ. Tổng số dự kiến chi trả năm 2023 là 300 học sinh, sinh viên. Quy mô đào tạo năm 2022-2023 duy trì khoảng 850-900 học sinh, sinh viên.

- Năm học 2023-2024 (năm 2024), Trường Cao đẳng Cộng đồng Đắk Nông dự kiến tuyển sinh 400 học sinh, sinh viên cả 2 hệ trung cấp và cao đẳng; trong đó, dự kiến chi trả 150 lượt học sinh, sinh viên được hưởng chính sách bao gồm tiền miễn giảm học phí và hỗ trợ tiền ăn, trong đó dự kiến 50% số học sinh, sinh viên hưởng mức 1.000.000đ/tháng hưởng 10 tháng/năm học và 50% số học sinh, sinh viên hưởng mức 600.000đ. Tổng số dự kiến chi trả năm 2024 là 400 học sinh, sinh viên. Quy mô đào tạo năm 2022-2023 duy trì khoảng 850-900 học sinh, sinh viên.

- Năm học 2024-2025 (năm 2025), Trường Cao đẳng Cộng đồng Đắk Nông dự kiến tuyển sinh 450 học sinh, sinh viên cả 2 hệ trung cấp và cao đẳng; trong đó, dự kiến chi trả 150 lượt học sinh, sinh viên được hưởng chính sách bao gồm tiền miễn giảm học phí và hỗ trợ tiền ăn, trong đó dự kiến 50% số học sinh, sinh viên hưởng mức 1.000.000đ/tháng hưởng 10 tháng/năm học và 50% số học sinh, sinh viên hưởng mức 600.000đ. Tổng số dự kiến chi trả năm 2025 là 450 học sinh, sinh viên (gồm các khóa 2023 và khóa 2024 chưa tốt nghiệp). Quy mô đào tạo duy trì khoảng 850-900 học sinh, sinh viên./.



Phụ lục II
DỰ KIẾN KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ GIẢI
QUYẾT VIỆC LÀM TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐẮK NÔNG
GIAI ĐOẠN 2021-2025

(Ban hành kèm theo Báo cáo số: 476 /BC-UBND ngày 19 tháng 7 năm 2021
của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông)

Năm	Tổng số (nghìn đồng)		Trung cấp (2.800 nghìn đồng/lao động)		Cao Đẳng (3.300.nghìn đồng/lao động)		Ghi chú
	Đôi tượng	Thành tiền	Số đôi tượng	Số tiền	Số đôi tượng	Số tiền	
2021-2022	220	666.000	120	336.000	100	330.000	
2023	300	890.000	200	560.000	100	330.000	
2024	310	918.000	210	588.000	100	330.000	
2025	330	974.000	230	644.000	100	330.000	
Tổng cộng	1.160	3.448.000	760	2.128.000	400	1.320.000	

* Thuyết minh bảng số liệu:

- Căn cứ kết quả khảo sát nhu cầu đào tạo hoàn thiện kỹ năng nghề nghiệp trực tiếp tại 646 doanh nghiệp/1.200 doanh nghiệp toàn tỉnh, thì có 1.160 người có nhu cầu đào tạo hoàn thiện kỹ năng nghề nghiệp hoặc nâng cao trình độ nghề nghiệp.

- Căn cứ năng lực của các cơ sở giáo dục nghề nghiệp và liên kết đào tạo tại tỉnh.

* Kinh phí:

- Tổng dự kiến kinh phí giai đoạn 2021-2025: 14,758 tỷ đồng (trong đó, hỗ trợ đào tạo nghề là 11.310, hỗ trợ giải quyết việc làm là 3.448).

- Tổng kinh phí đã thực hiện chính sách giai đoạn 2015-2021: 6,792 tỷ đồng

- Chênh lệch tăng thêm: 7,966 tỷ đồng./.

